

# PHÂN TÍCH KHÁI QUÁT TIÊU CHÍ NƯỚC CÔNG NGHIỆP TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

## 1. Tiêu chí nước công nghiệp dựa trên quá trình phát triển

Khi nghiên cứu về sự thay đổi cơ cấu các ngành kinh tế trong quá trình phát triển của các quốc gia, Rostow (1955) cho rằng, để đạt được trình độ phát triển như hiện nay, các nước này đều phải trải qua 5 giai đoạn:

Thứ nhất, xã hội truyền thống là giai đoạn có tỷ trọng ngành nông nghiệp trên 80%, rất ít hàng hóa được bán trên thị trường, năng suất lao động thấp, công cụ sản xuất lạc hậu, tăng trưởng kinh tế dựa vào mở rộng đất đai là chủ yếu.

Thứ hai, chuẩn bị cất cánh là giai đoạn mà sản phẩm nông nghiệp đã được bán nhiều hơn, bắt đầu có nhu cầu đầu tư mở rộng sản xuất, tỷ lệ đầu tư thấp, bắt đầu quan tâm đến phát triển giáo dục - đào tạo, ngân hàng, giao thông và thông tin liên lạc, cơ cấu kinh tế là nông - công nghiệp;

Thứ ba, cất cánh là giai đoạn kéo dài khoảng 20-30 năm với tốc độ phát triển kinh tế ổn định, tỷ lệ đầu tư 5-10% GDP ngành công nghiệp bắt đầu phát triển và có vai trò quan trọng hơn, năng suất lao động ngày càng cao, cơ cấu kinh tế lúc này là công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ;

Thứ tư, trưởng thành là giai đoạn kéo dài khoảng 60 năm, tăng trưởng kinh tế dựa nhiều vào các yếu tố đổi mới sáng tạo và giảm dần sự lệ thuộc vào các yếu tố đầu vào khác như vốn và đất đai, tỷ lệ đầu tư 20-30% GDP, khoa học - công nghệ phát triển, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, năng suất lao động tăng nhanh, cơ cấu kinh tế là công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp;

Thứ năm, kỷ nguyên tiêu dùng là giai đoạn kéo dài khoảng 100 năm với GDP/người cao, tăng trưởng dựa vào tiêu dùng hàng hóa có chất lượng cao, lao động có tay nghề và năng lực cao chiếm đa số, dân số sống chủ yếu ở thành thị, cơ cấu kinh tế là dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp.

Giáo sư He Chuanqi đã nhận diện sự phát triển của các nền kinh tế qua bốn giai đoạn là thời đại đồ đá, thời đại nông nghiệp, thời đại công nghiệp và thời đại tri thức. Nếu tính theo giai đoạn phát triển thì chúng ta đang ở trong thời

đại trí thức. Cụ thể các giai đoạn phát triển này được thể hiện trong Bảng dưới đây.

**Bảng 1: Các giai đoạn phát triển kinh tế theo cách phân loại của He Chuanqi<sup>1</sup>**

|                                          | <b>Thời đại đồ đá</b>                                                                       | <b>Thời đại nông nghiệp</b>                                                                                    | <b>Thời đại công nghiệp</b>                                                                         | <b>Thời đại trí thức</b>                                                                                |
|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                          | 2,5 triệu năm trước - 6000 năm trước công nguyên                                            | 6000 năm trước công nguyên đến năm 1763.                                                                       | 1763-1970                                                                                           | 1971-2100                                                                                               |
| Các cuộc cách mạng và thời gian khởi đầu | Khởi đầu cuộc cách mạng đồ đá 2,5 triệu năm trước                                           | Cách mạng nông nghiệp năm trước công nguyên                                                                    | Cách mạng công nghiệp cách đây khoảng 200 năm                                                       | Cách mạng trí thức từ năm 1971                                                                          |
| Các đặc điểm                             | Rừng cây, hái lượm thực phẩm, săn bắn. Nông nghiệp sơ khai, xã hội tiền sử, kinh tế tiền sử | Đồng ruộng, cây lương thực. Thành phố, quốc gia, văn minh nông nghiệp, xã hội nông nghiệp, kinh tế nông nghiệp | Công nghiệp hóa, đô thị hóa. Dân chủ, văn minh công nghiệp, xã hội công nghiệp, kinh tế công nghiệp | Trí thức, thông tin, mạng internet, toàn cầu hóa. Văn minh trí thức, xã hội trí thức, kinh tế trí thức. |

Việc xếp hạng theo Gs. He Chuangqi cho thấy, đến những năm 1970, thời đại công nghiệp hóa kiểu cổ điển 200 năm trước về cơ bản đã kết thúc và bắt đầu thời kỳ kinh tế dựa trên trí thức, trong đó sau điện tử, tin học, viễn thông là đến thời của sinh học, công nghệ vũ trụ; đi cùng với nó là thời đại của dân chủ, văn minh và trí tuệ.

Cách phân loại này đã dần được cụ thể hơn bằng nhiều tiêu chí như Bảng 2 dưới đây:

<sup>1</sup> Nguồn: Gs. He Chuanqi, Trung tâm nghiên cứu hiện đại hóa Trung Quốc “Lý thuyết hiện đại hóa thứ hai”, Bắc Kinh, Năm 1999.

Bảng 2: Tiêu chí phản ánh đặc trưng của các nền kinh tế<sup>2</sup>

| Đặc trưng                                                       | Nền kinh tế nông nghiệp               | Nền kinh tế công nghiệp                                 | Nền kinh tế tri thức                                                    |
|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| Đầu vào của sản xuất                                            | Lao động, đất đai, vốn                | Lao động, đất đai, vốn, công nghệ, thiết bị.            | Lao động, đất đai, vốn công nghệ, thiết bị, tri thức, thông tin.        |
| Các quá trình chủ yếu                                           | Trồng trọt, chăn nuôi                 | Chế tạo, gia công                                       | Thao tác, điều khiển, kiểm soát                                         |
| Cơ cấu kinh tế                                                  | Nông nghiệp là chủ yếu                | Công nghiệp và dịch vụ là chủ yếu                       | Các ngành kinh tế tri thức thống trị                                    |
| Công nghệ chủ yếu thúc đẩy phát triển                           | Sử dụng sức vật, cơ giới hóa đơn giản | Cơ giới hóa, hóa học hóa, điện khí hóa, chuyên môn hóa. | Công nghệ cao, điều tử hóa, tin học hóa, siêu xa lộ thông tin, thực ảo. |
| Cơ cấu xã hội                                                   | Nông dân                              | Công nhân                                               | Công nhân tri thức                                                      |
| Đầu tư cho R&D                                                  | <0,3% GDP                             | 1-2% GDP                                                | >3% GDP                                                                 |
| Tỷ lệ đóng góp của khoa học – công nghệ cho tăng trưởng kinh tế | <10%                                  | >30%                                                    | >80%                                                                    |
| Đầu tư cho giáo dục                                             | <1% GDP                               | 2-4% GDP                                                | 6-8% GDP                                                                |
| Tầm quan trọng của giáo dục                                     | Nhỏ                                   | Lớn                                                     | Rất lớn                                                                 |
| Trình độ văn hóa trung bình                                     | Tỷ lệ mù chữ cao                      | Trung học                                               | Sau trung học                                                           |
| Vai trò của truyền thông                                        | Không lớn                             | Lớn                                                     | Rất lớn                                                                 |

Trước sự phát triển nhanh của thế giới, nhất là sau khi có khủng hoảng tài chính và dầu mỏ những năm 1970, cũng như những tiến bộ của cách mạng khoa học và công nghệ, các nhà nghiên cứu nhận thấy, các tiêu chí nhận diện các quốc gia theo quá trình phát triển như trên chưa phản ánh được các khía cạnh của phát triển như vấn đề về môi trường, bất bình đẳng xã hội, cũng như các vấn đề thể chế và quản trị quốc gia hay toàn cầu. Tất cả những vấn đề này đã làm cho các nhà nghiên cứu đi tìm những tiêu chí phù hợp hơn với sự thay đổi.

## 2. Tiêu chí nước công nghiệp dựa trên các giai đoạn công nghiệp hóa

Giáo sư Jungho Yoo, Viện Chính sách công và Quản lý - KDI của Hàn Quốc (2008), đã phân tích, xác định thời gian bắt đầu và kết thúc quá trình công nghiệp hóa của các quốc gia trên thế giới dựa trên một tiêu chí duy nhất là tỷ trọng lao động nông nghiệp. Kết quả nghiên cứu của ông cho thấy, một nền kinh tế sẽ bắt đầu tiến trình công nghiệp hóa khi tỷ trọng lao động trong nông nghiệp chiếm 50% tổng lao động xã hội và kết thúc khi tỷ trọng lao động nông nghiệp chỉ còn 20% tổng lao động xã hội. Với nghiên cứu của mình, ông đã nhận thấy thời gian hoàn thành công nghiệp ở một số nước, vùng lãnh thổ là rất khác nhau và các nền kinh tế đi sau thường có thời gian hoàn thành công nghiệp hóa ngắn hơn.

Cũng theo phân tích của Anis Chowdhury và Iyanatul Islam (2005) thì đặc điểm của các nền kinh tế mới công nghiệp hóa và so sánh thực tế giữa các nền kinh tế để đưa ra bốn tiêu chí xác định thế nào là một nước công nghiệp mới, bao gồm:

- (1) Tỷ lệ tiết kiệm bằng 15% GDP;
- (2) GDP thực tế bình quân đầu người bằng 1.000 USD;
- (3) Tỷ trọng công nghiệp chế tạo trong GDP và trong việc làm bằng 20%;
- (4) Chỉ số phát triển con người (HDI) bằng 0,75.

Theo bốn tiêu chí này, có thể xếp 22 quốc gia và vùng lãnh thổ<sup>3</sup> vào nhóm các nền kinh tế mới công nghiệp hóa ở thời điểm cuối thập kỷ 1980. Cần lưu ý là, danh sách các quốc gia và vùng lãnh thổ này chỉ đúng tại thời điểm phân loại mà chưa chắc đã đúng trong bối cảnh phát triển khác của thời đại. Trong bối cảnh năng động hiện nay, tỷ lệ tiết kiệm, thu nhập bình quân đầu người và tỷ trọng công nghiệp chế tạo trong GDP phải liên tục tăng lên và phải có sự cải thiện liên tục về điều kiện con người được đo bằng HDI. Nếu không làm được như vậy, đất nước đó sẽ ra khỏi danh sách và cùng lúc đó, các nước đang phát triển khác thành công trong việc cất cánh có thể gia nhập nhóm NICs. Theo thời gian, NICs thành công sẽ phát triển trở thành nước công nghiệp thực sự. Do đó,

---

<sup>3</sup> Hongkong, Singapore, Đài Loan, Bồ Đào Nha, Hàn Quốc, Venezuela, Nam Tư, Argentina, Uruguay, Nam Phi, Brazil, Malaysia, Mauritius, Mexico, Costa Rica, 16. Chile, Peru, Thổ Nhĩ Kỳ, Columbia, Ecuador, Jamaica, Thái Lan. Nguồn: Ngân hàng thế giới, Báo cáo phát triển Thế giới (các vấn đề khác nhau); UNDP, 1990.

theo OECD, các nước hình thành một thể liên tục động trong quá trình phát triển... Đường ranh giới giữa các nước công nghiệp tiên tiến và NICs, cũng như giữa NICs và các nước đang phát triển khác luôn chuyển động theo thời gian, và sẽ luôn là chủ đề mang lại rất nhiều quan điểm khác nhau.

Khác với Jungho Yoo, Anis Chowdhury và Iyanatul Islam không chỉ rõ các nước và vùng lãnh thổ nêu trên phải mất bao lâu để trở thành NICs, nhưng qua các tiêu chí nêu trên, người ta lại hình dung khá rõ những điều kiện và thời điểm các nền kinh tế có thể được gia nhập nhóm NICs, và thậm chí giúp các nước khác biết được mình phải có thành tích phát triển như thế nào để có thể được coi là nước công nghiệp mới.

Cuối những năm 80 của thế kỷ XX, khi xu hướng công nghiệp hóa phát triển mạnh mẽ trên thế giới, giáo sư người Mỹ H. Chenery, cố vấn Ngân hàng Thế giới, đã đưa ra 5 tiêu chí để nhận diện 5 giai đoạn của quá trình công nghiệp hóa, bao gồm giai đoạn tiền công nghiệp hóa, giai đoạn khởi đầu công nghiệp hóa, giai đoạn phát triển công nghiệp hóa, giai đoạn hoàn thiện công nghiệp hóa, giai đoạn hậu công nghiệp hóa. Các tiêu chí này là chuẩn mực để xác định một quốc gia nào đó đang ở trong giai đoạn nào của quá trình công nghiệp hóa. Năm tiêu chí đó là:

- GDP bình quân đầu người;
- Tỷ trọng cơ cấu ngành kinh tế.
- Tỷ trọng công nghiệp chế tác trong tổng giá trị sản lượng ngành công nghiệp;
- Cơ cấu lao động còn lại trong nông nghiệp;
- Tỷ lệ đô thị hóa.

Theo các tiêu chí nhận diện các giai đoạn công nghiệp hóa này, tiêu chí để nhận diện một quốc gia nào đó có phải là nước công nghiệp hay không trùng với tiêu chí của nước đã hoàn thành công nghiệp hóa hay nước đã bước sang giai đoạn hậu công nghiệp hóa.

Cuối thế kỷ XX, nhà xã hội học người Mỹ. A. Inkeles, đã tiếp cận công nghiệp hóa theo nghĩa rộng và đưa các tiêu chí để xác định một quốc gia đã hoàn thành công nghiệp hóa gồm 11 tiêu chí cơ bản gồm: GDP/người, Tỷ trọng

A/GDP, Tỷ trọng S/GDP, Lao động phi nông nghiệp, Tỷ lệ biết chữ, Tỷ lệ sinh viên đại học, Bác sĩ/1000 dân, Tuổi thọ trung bình, Tăng dân số, Tử vong sơ sinh, Đô thị hóa. Tuy các tiêu chí này đơn giản và có thể sử dụng, vẫn còn chưa bao quát và phản ánh được chất lượng của quá trình công nghiệp hóa, chưa đề cập đến các xu hướng tin học hóa, toàn cầu hóa..., vốn rất được nhấn mạnh khi nói về hiện đại hóa trong điều kiện hiện nay.

Các tài liệu nghiên cứu của Trung tâm Nghiên cứu hiện đại hóa thuộc Viện Khoa học Trung Quốc cũng dựa trên bộ tiêu chí của A. Inkeles để xây dựng các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu “hiện đại hóa lần thứ nhất” - giai đoạn tương đương với thời kỳ công nghiệp hóa của Trung Quốc. Bộ tiêu chí này bỏ qua tiêu chí “tốc độ tăng dân số và chọn chuẩn công nghiệp hóa tương đương với mức bình quân của 19 nước công nghiệp hóa sớm nhất (khoảng những năm 1960-1965), trong đó mức GNP/người quy đổi về năm 2000 là khoảng 6.400 USD. Tiêu chí này cũng tương đương với tiêu chí của H. Chenery và A. Inkeles đưa ra nếu tính quy đổi về giá trị của GDP ở thập niên 60 và 80 của thế kỷ XX.

Năm 2012, Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên hợp quốc (UNIDO) đã phát triển một cách phân loại quốc gia mới dựa vào các giai đoạn phát triển công nghiệp hóa của các quốc gia. Theo cách phân loại này, các quốc gia trên thế giới được chia thành các nhóm nước bao gồm:

Thứ nhất, nền kinh tế đã công nghiệp hóa (Industrialized Economies) hoặc nước phát triển (Developed Countries) gồm 57 nước có MVApe (điều chỉnh)  $\geq 2.500$  USD hay GDP bình quân đầu người (PPP)  $\geq 20.000$  USD ;

Thứ hai, nền kinh tế công nghiệp mới nổi (Emerging Industrial Economies) gồm 33 nước có MVApe (điều chỉnh)  $\geq 1.000$  USD hay GDP bình quân (PPP)  $\geq 10.000$  USD hay tỷ trọng chiếm trong MVA thế giới 20,5%;

Thứ ba, nền kinh tế đang phát triển khác (Other Developing Countries) gồm 82 nước;

Thứ tư, nền kinh tế kém phát triển (Less Developing Countries) gồm 46 nước theo danh sách của Liên hợp quốc.

Nguyên tắc cơ bản của UNIDO là phân biệt các nước theo hai nhóm chính gồm: nước đã công nghiệp hóa và nước đang phát triển để thể hiện khát vọng

của nước đang phát triển muốn đuổi kịp thành tựu của các nước đã công nghiệp hóa. Các thuật ngữ “phát triển” và “đã công nghiệp hóa” cũng được sử dụng theo cách có thể hoán đổi nhau. Tuy nhiên, để thực hiện sứ mệnh của mình trong việc thúc đẩy công nghiệp hóa trên toàn thế giới, UNIDO nghiêng về thuật ngữ đã công nghiệp hóa (industrialized) hơn. “Công nghiệp hóa” được UNIDO xem như là một công cụ năng động của tăng trưởng và vô cùng quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội. Để tìm ra một ngưỡng xác định nhóm các nước đã công nghiệp hóa, UNIDO đã dựa vào giá trị tăng thêm từ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (MVA) bình quân đầu người (MVApe) vì nó cho thấy mức độ sản xuất công nghiệp của một nước đã được điều chỉnh cho phù hợp với quy mô dân số. Tuy nhiên, khi sử dụng chỉ tiêu này, chính UNIDO đã thấy có nhiều điểm ngoại lệ, không nhất quán và bất cập. Cụ thể là, khi nghiên cứu kỹ hơn về các nước đã hoàn thành công nghiệp hóa, UNIDO thấy rằng, khi một nước đạt đến mức độ công nghiệp hóa cao thì tỷ trọng MVA trong GDP không tăng với tốc độ như trước. Ở giai đoạn này, các dịch vụ như R&D, xúc tiến kinh doanh, phát triển công nghệ mới, thiết kế, dịch vụ hộ gia đình và cá nhân đóng vai trò quan trọng hơn trong nền kinh tế, các ngành chế biến, chế tạo được chuyển dần ra nước ngoài, đặc biệt là các quốc gia có giá nhân công thấp. Chính vì thế, tỷ trọng MVA trong GDP có xu hướng giảm ở nền kinh tế đã công nghiệp hóa. Ví dụ ở Hongkong, Trung Quốc, MVApe đã giảm mạnh do sự di dời các nhà máy sản xuất đến các vùng lãnh thổ khác của Trung Quốc. Lúc này, MVApe thậm chí có thể giảm xuống dưới ngưỡng xác định trước đó, tuy nhiên điều này không có nghĩa là nền kinh tế đó không còn được phân loại là nước công nghiệp hóa. UNIDO vẫn khẳng định rằng, bất kỳ một nền kinh tế nào với GDP bình quân đầu người trên 20.000 USD đều được xếp vào nhóm các nền kinh tế đã công nghiệp hóa, bất kể MVApe có giá trị thế nào.

Khi nghiên cứu về nhóm nước thứ hai bao gồm các nền kinh tế công nghiệp mới nổi có thành tích đáng kể trên con đường phát triển theo hướng công nghiệp hóa, ngưỡng tối thiểu MVApe điều chỉnh đối với nhóm này được xác định là 1.000 USD. Trong một số trường hợp, giá trị tuyệt đối của các nền kinh tế này đạt ngưỡng của một nền kinh tế công nghiệp mới nổi, nhưng về số tương đối, do có dân số rất lớn, các nước này không đạt được mức MVApe tương đương như các nền kinh tế công nghiệp mới nổi khác. Đó là các nước có các

ngành công nghiệp sản xuất chế biến, chế tạo lớn như Ấn Độ và Indonesia nhưng lại có MVA chiếm tỷ trọng tương đương 0,5% hoặc cao hơn mức MVA trung bình của thế giới. Đối với các nền kinh tế còn lại, ngoại trừ các nước kém phát triển nhất (LDC), được xếp vào nhóm các nền kinh tế đang phát triển khác.

Ở Việt Nam các nghiên cứu cũng đã đưa ra 5 tiêu chí để nhận diện một nước công nghiệp hiện đại, bao gồm<sup>4</sup>:

- Thu nhập bình quân đầu người phải cao, theo phân loại của WB hiện nay, bình quân đầu người trên 12.000 USD là nước có thu nhập cao;
- Cơ cấu xuất khẩu phải chuyển từ các ngành có hàm lượng lao động cao sang những ngành có hàm lượng tư bản và công nghệ cao;
- Phải có xuất siêu ngoại thương;
- Phải chuyển từ nước nhập tư bản sang xuất khẩu tư bản, ít nhất là theo tiêu chí xuất khẩu ròng (net exporter), nghĩa là có thể vẫn còn nhập tư bản nhưng tư bản xuất ra nước ngoài nhiều hơn tư bản nhập vào trong nước;
- Không còn nhận ODA nữa, ngược lại phải trở thành nước đi viện trợ cho nước khác.

Như vậy bộ tiêu chí nêu trên chúng ta xác định được tính chất của nước công nghiệp hiện đại một cách định tính, trong đó không có yếu tố của công nghiệp hóa mà nhấn mạnh đến sự chuyển dịch sang ngành có hàm lượng công nghệ cao; bộ tiêu chí của Anis Chowdhury cho chúng ta nhận biết được nước công nghiệp mới; bộ tiêu chí của UNIDO cho chúng ta nhận diện được các nền kinh tế đã công nghiệp hóa, nền kinh tế công nghiệp mới nổi, nền kinh tế đang phát triển và nền kinh tế kém phát triển; còn các tiêu chí phân loại khác chỉ giúp chúng ta nhận diện được một quốc gia nào đó đang ở trong giai đoạn nào của quá trình công nghiệp hóa. Sở dĩ có các tiêu chí này vì một số nước và vùng lãnh thổ phát triển đã thành công theo con đường công nghiệp hóa cổ điển như Mexico, Brazil (Nam Mỹ), Hàn Quốc, Đài Loan, Hongkong, thông qua việc tiến hành nhanh chóng quá trình công nghiệp hóa qua ba giai đoạn sau:

Giai đoạn 1: Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp phục vụ trong nước như dệt, thực phẩm, hàng tiêu dùng.

---

<sup>4</sup> Giáo sư Trần Văn Thọ: “Củ sốc thời gian và kinh tế Việt Nam” Nhà xuất bản Tri thức xuất bản năm 2015.

Giai đoạn 2: Đẩy mạnh sản xuất hàng truyền thống, có hiệu quả kinh tế, đồng thời dựa vào vốn đầu tư nước ngoài phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn hướng ra xuất khẩu.

Giai đoạn 3: Phát triển rất mạnh các ngành công nghệ cao như điện tử, tin học, hóa chất, kỹ thuật hàng không, vũ trụ... Các NIC có các tiêu chí nhận diện qua 3 đặc điểm là (1) GNP tăng nhanh chóng do có tốc độ phát triển cao, GDP/người > 10.000 USD; (2) Công nghiệp hóa nhanh, nhất là các ngành tham gia xuất khẩu công nghiệp chế tác chiếm 30% - 45%; (3) Thu hút nhiều vốn đầu tư của tư bản nước ngoài.

Các tiêu chí công nghiệp hóa được trình bày trên chủ yếu dùng để làm căn cứ phân chia các giai đoạn của quá trình công nghiệp hóa. Các tiêu chí này giúp cho việc nhận diện các đặc điểm, tính chất của quốc gia đã đạt chuẩn công nghiệp hóa hay đang ở trong giai đoạn hậu công nghiệp hóa khác với các nước đang ở trong các giai đoạn khác như thế nào chứ không đồng nhất đó là các tiêu chí để nhận diện một nước công nghiệp.

### **Tài liệu tham khảo**

1. He Chuanqi, Trung tâm nghiên cứu hiện đại hóa Trung Quốc “Lý thuyết hiện đại hóa thứ hai”, Bắc Kinh, Năm 1999.
2. Ngân hàng thế giới, Báo cáo phát triển Thế giới (các vấn đề khác nhau); UNDP, 1990.
3. Giáo sư Trần Văn Thọ: “Cũ sức thời gian và kinh tế Việt Nam” Nhà xuất bản Tri thức, 2015.